

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15-AN GIANG
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:01/2025/QĐST-VDS

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định cha cho con
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15- AN GIANG**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy.

Thư ký phiên họp: Bà Triệu Thị Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15- An Giang tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15- An Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-VDS ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm số:128/2025/QĐST-VHNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025; Thông báo mở lại phiên họp số: 817/TB-TA ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp số:04/2025/QĐST-VDS ngày 15 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Dương Trung N, sinh năm 1981; nơi thường trú: Tổ A, khóm P, thị trấn Đ, huyện A (nay là xã V), tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị B, sinh năm 1972; nơi thường trú: Tổ A, khóm P, thị trấn Đ, huyện A (nay là xã V), tỉnh An Giang.

Cháu Lê Dương H, sinh ngày 14/4/2015; nơi thường trú: Tổ A, khóm P, thị trấn Đ, huyện A (nay là xã V), tỉnh An Giang.

Ông Văn G, sinh năm 1975; nơi thường trú: Thôn L, xã Q, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Thừa Thiên Huế.

(Ông N và bà Ba cùng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên họp; ông Văn G vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG:

Nguyên trước đây, giữa ông Dương Trung N và bà Lê Thị B tự tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013. Trong quá trình chung sống, ông và bà B có 01 (một) con chung là cháu Lê Dương H, sinh ngày 14/4/2015 (Theo Bản sao giấy trích lục khai sinh số 101/2019/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 21/3/2019). Đến năm 2015, ông và bà B Đến Ủy ban nhân dân xã Đ (thị trấn Đ), huyện A, tỉnh An Giang đăng ký kết hôn làm giấy khai sinh chung nhưng không được thực hiện do trong thời gian mang thai cháu Lê Dương H thì bà B chưa làm thủ tục ly hôn với chồng trước là ông Văn G.

Đến năm 2016, sau khi bà B đã ly hôn với ông Văn G, sinh năm 1975 (Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2016/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 19/7/2016) thì ông và bà B đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang ngày 01/9/2017. Sau đó ông và bà B có làm thủ tục xin cải chính hộ tịch cho cháu Lê Dương H, sinh ngày 14/4/2015 nhưng được Ủy ban nhân dân xã Đ (thị trấn Đ), huyện A, tỉnh An Giang hướng dẫn đến Tòa án làm thủ tục xác nhận cha cho con theo quy định. Nay, ông yêu cầu xác nhận cháu Lê Dương H là con ruột của ông để ông bổ sung hồ sơ cải chính hộ tịch cho cháu H.

Qua làm việc bà Lê Thị B cũng xác nhận như trình bày của ông N, cháu Lê Dương H, sinh ngày 14/4/2015 là con ruột của bà và ông N.

Trong quá trình giải quyết, ông Văn G không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến; ông Văn G cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên họp, ông N và bà B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt. Riêng ông Văn G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên phiên họp được tiến hành vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Theo Phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 06/02/2025 của Trung tâm X xác nhận: Mẫu ADN ký hiệu Dương Trung N và mẫu ADN ký hiệu Lê Dương H có quan hệ huyết thống Cha – Con, với tần suất 99,99999999794%.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15- An Giang), tỉnh An Giang tham gia phiên họp:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp: Từ khi thụ lý vụ việc cho đến trước thời điểm ra Quyết định giải quyết việc hôn nhân và gia đình đã thực hiện đúng và đầy đủ.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người yêu cầu ông Dương Trung N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B, ông Văn G đã

thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Căn cứ khoản 10 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 88, 89, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình của ông Dương Trung N, xác định cháu Lê Dương H là con ruột của ông Dương Trung N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 10 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nghĩa là người yêu cầu xác định cha cho con hiện thường trú tại khóm P, thị trấn Đ, huyện A (nay là xã V), tỉnh An Giang. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15- An Giang).

[2] Về nội dung yêu cầu:

Ông N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15- An Giang) xác định ông Dương Trung N là cha ruột của cháu Lê Dương H, sinh ngày 14/4/2015 để ông thực hiện thủ tục cải chính hộ tịch cho cháu H theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B xác định cháu Lê Dương H, sinh ngày 14/4/2015 là con ruột của ông Dương Trung N. Ông N và cháu H đã được Trung tâm X xác nhận là Có quan hệ huyết thống Cha – Con. Bà B yêu cầu Tòa án xác định cháu Lê Dương H là con ruột của ông N.

Theo Phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 06/02/2025 của Trung tâm X xác nhận:

Họ tên: Dương Trung Nghĩa	Họ tên: Lê Dương Huynh
Sinh ngày: 05/05/1981	Sinh ngày: 14/4/2015
CCCD: Số 089081007625	TLKS: Số 101/2019/TLKS-BS
Quốc tịch: Việt Nam	Quốc tịch: Việt Nam
Quan hệ: Cha giả định	Quan hệ: Con giả định
Loại mẫu: Niêm mạc miệng	Loại mẫu: Niêm mạc miệng
Ký hiệu: Dương Trung Nghĩa	Ký hiệu: Lê Dương Huynh

Mẫu ADN ký hiệu Dương Trung N và mẫu ADN ký hiệu Lê Dương H có quan hệ huyết thống Cha – Con, với tần suất 99,99999999794%.

Từ những phân tích nêu trên, có thể thấy ông N yêu cầu xác định ông là cha ruột của cháu H là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận theo quy định tại các điều 88, 89, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ông Dương Trung N được miễn lệ phí sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, các điều 150, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 88, 89, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Dương Trung N:

Xác định cháu Lê Dương H, sinh ngày 14/4/2015 (Theo Bản sao giấy trích lục khai sinh số 101/2019/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 21/3/2019) là con ruột của ông Dương Trung N, sinh ngày 05/5/1981, căn cước công dân số: 089081007625 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/4/2024.

2. Về lệ phí sơ thẩm:

Ông Dương Trung N được miễn lệ phí sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông N, bà B, ông G có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15- An Giang có quyền kháng nghị quyết định

này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 15;
- Phòng THADS khu vực 15;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Trần Đỗ Ngọc Mai Thy